

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 06 - 2022
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quốc Cường

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị M**, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Ấp K, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1986.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị M trình bày, chị và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không được hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân nhau nên chị M yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị M xác định có 01 con chung tên Phạm Quốc Đ1, sinh ngày 11/01/2021, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Đ1. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M xác định không có.

Về nợ chung: Chị M xác định không có.

Đối với anh Phạm Văn Đ, Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh Đ biết được việc yêu cầu ly hôn của chị M, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị M.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Phùng Thị M về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn Đ thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh Đ là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, anh Đ là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không được hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân nhau nên chị M yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Đối với anh Đ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng anh Đ vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị M, cho thấy anh Đ chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đơn yêu cầu của chị M khi phù hợp với quy định của pháp luật. Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, đối chiếu với yêu cầu của chị M là phù hợp nên chấp nhận về việc chị M xin ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Chị M xác định có 01 con chung tên Phạm Quốc Đ1, sinh ngày 11/01/2021, hiện đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Đ1. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đ1 hiện chưa được 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, hiện do chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chị có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của chị M, tiếp tục giao cho chị M nuôi dưỡng cháu Đ1 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chị M không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị M xác định không có nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị M xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình Chị M nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị M về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc Đ1, sinh ngày 11/01/2021 (hiện đang sống với chị M) cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị M không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị M xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình Chị M nộp 300.000đ. Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Chị M đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0014908 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị M, anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Độ thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h. Thới Bình;
- **UBND xã T, H. Thới Bình;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn